



N#ng

## PLUTO EH SB

PLUTO-EH

**Giày an toàn th#p, ch#ng d#m th#ng và ch#ng tr#n tr##t đ##c EH phê duy#t**

PLUTO-EH cổ thấp là loại giày an toàn nhẹ, không chứa kim loại mang lại sự bảo vệ và thoải mái tối đa. Thích hợp cho các ngành công nghiệp và môi trường khác nhau, với các tính năng như bảo vệ khỏi các mối nguy hiểm về điện và đế ngoài chịu dầu và nhiên liệu.

Những vật liệu cao cấp hơn	Da ngựa điện
lớp lót bên trong	Lưới thép
giường đỡ chân	đế xốp SJ
đế giữa	Dệt may
đế ngoài	PU/TPU
Đứng đầu	tổng hợp
Loại	SB / P, SRC, e, FO, HỒ
Phạm vi kích thước	EU 35-47 / UK 3.0-12.0 / US 3.0-13.0 JPN 21.5-31 / KOR 230-310
trọng lượng thép	0.722 kg
tiêu chuẩn hóa	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2011



858



### Nguy hi#m v# đi#n (EH)

Giày an toàn có khả năng chống lại các mối nguy hiểm về điện (EH) có đế ngoài không dẫn điện. Là nguồn bảo vệ thứ cấp, chúng làm giảm nguy cơ bị điện giật trong điều kiện khô ráo.



### Da thoáng khí trên

Da tự nhiên mang lại cảm giác thoải mái khi đeo kết hợp với độ bền trong các ứng dụng linh hoạt.



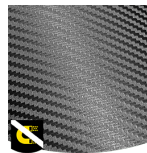
### B#c mũi composite

Không chứa kim loại và nhẹ, không dẫn nhiệt hoặc dẫn điện



### Ch#ng d#u & nhiên li#u

Đế ngoài có khả năng chống dầu và nhiên liệu.



### Kim lo#i mi#n phí

Giày an toàn không có kim loại thường nhẹ hơn giày an toàn thông thường. Chúng cũng rất có lợi cho các chuyên gia phải đi qua máy dò kim loại nhiều lần trong ngày.

## Công nghiệp n:

lĩnh vực ô tô, phục vụ ăn uống, Hoá học, Làm sạch, Xây dựng, Thực phẩm & Đồ uống, hậu cần, Khai thác mỏ, Dầu khí, Ngành công nghiệp

## Môi trường:

môi trường lạnh, môi trường khô, môi trường bùn, bề mặt không bằng phẳng, môi trường ẩm ướt

## Các hàng dẫn ba số:

Để kéo dài tuổi thọ cho đôi giày của bạn, chúng tôi khuyên bạn nên làm sạch chúng thường xuyên và bảo vệ chúng bằng các sản phẩm phù hợp. Không làm khô giày trên bộ tản nhiệt hoặc gần nguồn nhiệt.

S# miêu tả	Đơn vị đo lường	Kết quả	EN ISO 20345
<b>Những chỉ số cao</b>	<b>Đa dạng</b>		
<b>Chỉ số thấm nước</b>			
Top: khả năng thấm hơi nước	mg/cm/giờ	2.0	? 0.8
Top: hệ số hơi nước	mg/cm <sup>2</sup>	16.3	? 15
<b>Chỉ số lót bên trong</b>	<b>Chỉ số thép</b>		
Lớp lót: thấm hơi nước	mg/cm/giờ	51.9	? 2
Lót: hệ số hơi nước	mg/cm <sup>2</sup>	415.5	? 20
<b>Chỉ số đế chân</b>	<b>Chỉ số SJ</b>		
Đệm chân: chống mài mòn (khô/ướt) (chu kỳ)	chu kỳ	25600/12800	25600/12800
<b>Chỉ số ngoài</b>	<b>PU/TPU</b>		
Chống mài mòn đế ngoài (giảm thể tích)	mm	41.8	? 150
Chống trơn trượt của đế ngoài SRA: gót chân	ma sát	0.37	? 0.28
Chống trơn trượt của đế ngoài SRA: Phẳng	ma sát	0.32	? 0.32
Chống trơn trượt của đế ngoài SRB: gót chân	ma sát	0.16	? 0.13
Chống trơn trượt của đế ngoài SRB: phẳng	ma sát	0.18	? 0.18
Giá trị chống tĩnh điện	megaohm	N/A	0.1 - 1000
Giá trị ESD	megaohm	N/A	0.1 - 100
Hấp thụ năng lượng của gót chân	J	35	? 20
<b>Chỉ số mũi</b>	<b>Chỉ số h#p</b>		
Nắp mũi chống va đập (độ hồ sau khi va chạm 100J)	mm	N/A	N/A
Nắp mũi chống nén (khe hở sau khi nén 10kN)	mm	N/A	N/A
Nắp mũi chống va đập (độ hồ sau khi va chạm 200J)	mm	16.5	? 14
Nắp mũi chống nén (khe hở sau khi nén 15kN)	mm	21.0	? 14

Kích thước thép: 42

Giày của chúng tôi không ngừng phát triển, dữ liệu kỹ thuật trên có thể thay đổi. Tất cả tên sản phẩm và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sử dụng hoặc sao chép dưới bất kỳ định dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.